**I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên thủ tục hành chính**  **(Mã TTHC)** | **Thời gian giải quyết** | **Phí, lệ phí (nếu có)** | **Địa điểm và Cách thức thực hiện** | **Cơ quan thực hiện** |
| **I** |  | | | | |
| **1** | Giải quyết chế độ trợ cấp ưu đãi đối với thân nhân liệt sĩ (1.010801) | 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.  - Trường hợp quy định tại các điểm d, đ khoản 1 Điều 26 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.  - Trường hợp thân nhân liệt sĩ đã được hưởng chế độ ưu đãi nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận thân nhân liệt sĩ: 12 ngày kể từ ngày nhận được đơn đề nghị. | Không | Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh *(Số 01 Lê Lai, thành phố Huế).*  Hoặc nộp trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công tỉnh. | - Cơ quan trực tiếp thực hiện và quyết định: Sở Lao động - TB&XH;  - Cơ quan phối hợp thực hiện: UBND cấp xã (xác nhận vào Bản khai tình hình thân nhân liệt sĩ tại Mẫu số 05 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP). |
| **2** | Giải quyết chế độ ưu đãi đối với vợ hoặc chồng liệt sĩ lấy chồng hoặc vợ khác (1.010802) | - 12 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp Sở Lao động - TB&XH đang quản lý hồ sơ gốc liệt sĩ;  - 17 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp Sở Lao động - TB&XH không quản lý hồ sơ gốc liệt sĩ. | Không | Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh *(Số 01 Lê Lai, thành phố Huế).*  Hoặc nộp trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công tỉnh. | - Cơ quan trực tiếp thực hiện và quyết định: Sở Lao động - TB&XH;  - Cơ quan phối hợp thực hiện: UBND cấp xã (xác nhận vào Đơn đề nghị tại Mẫu số 17 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP) |
| **3** | Giải quyết chế độ trợ cấp thờ cúng liệt sĩ (1.010803) | 24 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.  *(Trong đó: UBND cấp xã: 05 ngày; Phòng Lao động – TB&XH: 07 ngày; Sở Lao động, TB&XH: 12 ngày)* | Không | Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích tại:  - Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã;  - Trung tâm Hành chính công cấp huyện;  - Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh *(Số 01 Lê Lai, thành phố Huế).*  Hoặc nộp trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công tỉnh. | - Cơ quan quyết định: Sở Lao động - TB&XH;  - Cơ quan trực tiếp thực hiện: UBND cấp xã; Phòng Lao động - TB&XH; Sở Lao động – TB&XH. |
| **4** | Giải quyết chế độ ưu đãi đối với trường hợp tặng hoặc truy tặng danh hiệu vinh dự nhà nước “Bà mẹ Việt Nam anh hùng” (1.010804) | 24 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.  *(Trong đó: UBND cấp xã: 05 ngày; Phòng Lao động – TB&XH: 07 ngày; Sở Lao động, TB&XH: 12 ngày)* | Không | Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích tại:  - Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã;  - Trung tâm Hành chính công cấp huyện;  - Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh *(Số 01 Lê Lai, thành phố Huế).*  Hoặc nộp trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công tỉnh. | - Cơ quan quyết định: Sở Lao động - TB&XH;  - Cơ quan trực tiếp thực hiện: UBND cấp xã; Phòng Lao động - TB&XH; Sở Lao động – TB&XH. |
| **5** | Điểm neoGiải quyết chế độ ưu đãi đối với Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến hiện không công tác trong quân đội, công an (1.010805) | 24 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.  *(Trong đó: UBND cấp xã: 05 ngày; Phòng Lao động- TB&XH: 07 ngày; Sở Lao động – TB&XH: 12 ngày)* | Không | Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích tại:  - Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã;  - Trung tâm Hành chính công cấp huyện;  - Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh *(Số 01 Lê Lai, thành phố Huế).*  Hoặc nộp trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công tỉnh. | - Cơ quan quyết định: Sở Lao động - TB&XH;  - Cơ quan trực tiếp thực hiện: UBND cấp xã; Phòng Lao động - TB&XH; Sở Lao động – TB&XH. |
| **6** | Công nhận thương binh, người hưởng chính sách như thương binh (1.010806) | 104 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.  - Cơ quan, đơn vị có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận bị thương trong thời gian 20 ngày kể từ ngày nhận đủ giấy tờ, có trách nhiệm kiểm tra, cấp giấy chứng nhận bị thương theo Mẫu số 35 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP và chuyển hồ sơ đến Sở Lao động - Thương binh và Xã hội nơi người bị thương thường trú;  - Sở Lao động – TB&XH: 24 ngày;  - Hội đồng giám định y khoa tỉnh: trong thời gian 60 ngày kể từ ngày nhận đủ giấy tờ, có trách nhiệm tổ chức khám giám định thương tật, gửi biên bản giám định y khoa theo Mẫu số 78 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP đến Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh. | Không | Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích tại:  - Cơ quan, đơn vị có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận bị thương.  - Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh *(Số 01 Lê Lai, thành phố Huế)*.  Hoặc nộp trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công tỉnh. | - Cơ quan quyết định: Sở Lao động - TB&XH;  - Cơ quan trực tiếp thực hiện: cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý người bị thương; Sở Lao động - TB&XH; Hội đồng giám định y khoa cấp tỉnh (Sở Y tế). |
| **7** | Khám giám định lại tỷ lệ tổn thương cơ thể đối với trường hợp còn sót vết thương, còn sót mảnh kim khí hoặc có tỷ lệ tổn thương cơ thể tạm thời hoặc khám giám định bổ sung vết thương và điều chỉnh chế độ đối với trường hợp không tại ngũ, công tác trong quân đội, công an (1.010807) | 84 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.  - Sở Lao động – TB&XH: 24 ngày;  - Hội đồng giám định y khoa tỉnh: trong thời gian 60 ngày kể từ ngày nhận đủ giấy tờ, có trách nhiệm tổ chức khám giám định thương tật, gửi biên bản giám định y khoa theo Mẫu số 78 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP đến Sở Lao động – Thương binh và Xã hội. |  | Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh *(Số 01 Lê Lai, thành phố Huế).*  Hoặc nộp trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công tỉnh. | - Cơ quan quyết định: Sở Lao động - TB&XH;  - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Lao động – TB&XH; Hội đồng giám định y khoa cấp tỉnh (Sở Y tế). |
| **8** | Giải quyết hưởng thêm một chế độ trợ cấp đối với thương binh đồng thời là bệnh binh (1.010808) | 17 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.  - Sở Lao động – TBXH: trong thời gian 12 ngày kể từ ngày nhận được đơn, có trách nhiệm đối chiếu hồ sơ đang quản lý để ban hành quyết định hưởng thêm chế độ trợ cấp ưu đãi theo Mẫu số 62 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP. Trợ cấp, phụ cấp đối với thương binh được xác định theo biên bản giám định thương tật cuối cùng.  - Trường hợp hồ sơ thương binh được công nhận từ ngày 31 tháng 12 năm 1994 trở về trước không còn giấy tờ thể hiện tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tật hoặc thất lạc thì trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn, có văn bản đề nghị Cục Chính sách, Tổng cục Chính trị quân đội nhân dân Việt Nam (đối với sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, hạ sĩ quan, binh sĩ, công chức quốc phòng, công nhân và viên chức quốc phòng trong quân đội) hoặc thủ trưởng Cục Tổ chức cán bộ, Bộ Công an (đối với sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ trong công an) cấp bản trích lục hồ sơ thương binh làm căn cứ để giải quyết chế độ. | Không | Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh *(Số 01 Lê Lai, thành phố Huế).*  Hoặc nộp trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công tỉnh. | Cơ quan trực tiếp thực hiện và quyết định: Sở Lao động - TB&XH;  - Cơ quan phối hợp thực hiện: Cục Chính sách, Tổng cục Chính trị quân đội nhân dân Việt Nam, Cục tổ chức cán bộ - Bộ Công an |
| **9** | Giải quyết chế độ đối với thương binh đang hưởng chế độ mất sức lao động (1.0010809) | 24 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.  a) Đối với hồ sơ thương binh đang hưởng chế độ mất sức lao động lưu tại Sở Lao động – TBXH trong thời gian 12 ngày kể từ ngày nhận được đơn, kiểm tra, đối chiếu hồ sơ đang quản lý để ban hành quyết định hưởng thêm chế độ trợ cấp ưu đãi theo Mẫu số 62 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP.  b) Đối với hồ sơ thương binh đang hưởng chế độ mất sức lao động mà không có hồ sơ lưu ở Sở Lao động - Thương binh và Xã hội hoặc hồ sơ lưu không còn giấy tờ thể hiện tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tật, trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn, có văn bản đề nghị cơ quan Bảo hiểm xã hội cung cấp bản sao toàn bộ hồ sơ hưởng chế độ mất sức lao động; kiểm tra đối chiếu, nếu đủ căn cứ thì trong thời gian 12 ngày kể từ ngày nhận được bản sao hồ sơ, ban hành quyết định hưởng thêm chế độ trợ cấp ưu đãi theo Mẫu số 62 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ -CP.  - Bảo hiểm xã hội tỉnh: trong thời gian 12 ngày kể từ ngày nhận được văn bản của Sở Lao động - Thương binh, có trách nhiệm cung cấp bản sao hồ sơ hưởng chế độ mất sức lao động đến Sở Lao động - TBXH.  - Trường hợp bản sao hồ sơ hưởng chế độ mất sức lao động không thể hiện rõ tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tật thì Sở Lao động - Thương binh và Xã hội có văn bản đề nghị Cục Chính sách, Tổng cục Chính trị quân đội nhân dân Việt Nam (đối với sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, hạ sĩ quan, binh sĩ, công chức quốc phòng, công nhân và viên chức quốc phòng trong quân đội) hoặc thủ trưởng Cục Tổ chức cán bộ, Bộ Công an (đối với sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ trong công an) cấp bản trích lục hồ sơ thương binh làm căn cứ để giải quyết chế độ. | Không | Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh *(Số 01 Lê Lai, thành phố Huế).*  Hoặc nộp trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công tỉnh. | - Cơ quan quyết định: Sở Lao động - TB&XH;  - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Lao động – TB&XH; Bảo hiểm xã hội tỉnh;  - Cơ quan phối hợp thực hiện: Cục Chính sách, Tổng cục Chính trị quân đội nhân dân Việt Nam, Cục tổ chức cán bộ - Bộ Công an |
| **10** | Công nhận đối với người bị thương trong chiến tranh không thuộc quân đội, công an (1.010810) | - Đối với người bị thương thường trú tại địa phương nơi bị thương, do Ủy ban nhân dân huyện cấp Giấy chứng nhận bị thương: 204 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. *(Trong đó:*UBND *cấp xã: 60 ngày;* UBND cấp huyện*: 60 ngày;*Sở Lao động - TB&XH: 24 ngày; Hội đồng GĐYK tỉnh: 60 ngày).  - Đối với người bị thương thường trú tại địa phương khác, do Ủy ban nhân dân huyện cấp Giấy chứng nhận bị thương: 207 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. *(Trong đó: UBND cấp xã: 63 ngày; UBND cấp huyện: 60 ngày; Sở Lao động – TB&XH: 24 ngày; Hội đồng giám định y khoa*  *tỉnh: 60 ngày)*  - Đối với người bị thương thường trú tại địa phương khác, không do Ủy ban nhân dân huyện cấp Giấy chứng nhận bị thương: Trên 207 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.  *(Trong đó: UBND cấp xã: 63 ngày; UBND cấp huyện: 60 ngày; Sở Lao động - TB&XH: 24 ngày; Hội đồng GĐYK tỉnh: 60 ngày)* | Không | Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc tại:  - Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã;  - Trung tâm Hành chính công cấp huyện;  - Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh *(Số 01 Lê Lai, thành phố Huế).*  Hoặc nộp trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công tỉnh. | - Cơ quan quyết định: Sở Lao động - TB&XH;  - Cơ quan trực tiếp thực hiện: UBND cấp xã; Phòng Lao động - TB&XH; Hội đồng giám định y khoa (Sở Y tế); Sở Lao động – TB&XH. |
| **11** | Lập sổ theo dõi, cấp phương tiện trợ giúp, dụng cụ chỉnh hình, phương tiện, thiết bị phục hồi chức năng đối với trường hợp đang sống tại gia đình hoặc đang được nuôi dưỡng tập trung tại các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng do địa phương quản lý (1.010811) | 42 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. *(Trong đó: Phòng Lao động – TB&XH hoặc Trung tâm Điều dưỡng, chăm sóc người có công: 22 ngày; Sở Lao động – TB&XH: 20 ngày).* | Không | Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích t:  - Trung tâm Hành chính công cấp huyện hoặc Trung tâm Điều dưỡng, chăm sóc người có công;  - Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh *(Số 01 Lê Lai, thành phố Huế).*  Hoặc nộp trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công tỉnh. | - Cơ quan quyết định: Sở Lao động - TB&XH;  - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Phòng Lao động - TB&XH; Trung tâm Điều dưỡng, chăm sóc người có công; Sở Lao động – TB&XH. |
| **12** | Tiếp nhận người có công vào cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công do tỉnh quản lý (1.010812) | 17 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. *(Trong đó: UBND cấp xã: 05 ngày làm việc; Phòng Lao động - TB&XH: 07 ngày làm việc; Sở Lao động - TB&XH: 5 ngày làm việc).* | Không | Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích tại:  - Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã;  - Trung tâm Hành chính công cấp huyện;  - Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh *(Số 01 Lê Lai, thành phố Huế)*.  Hoặc nộp trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công tỉnh. | - Cơ quan quyết định: Sở Lao động - TB&XH;  - Cơ quan trực tiếp thực hiện: UBND cấp xã; Phòng Lao động - TB&XH; Sở Lao động – TB&XH. |
| **13** | Đưa người có công đối với trường hợp đang được nuôi dưỡng tại cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công do tỉnh quản lý về nuôi dưỡng tại gia đình (1.010785) | 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. *(Trong đó: Trung tâm Điều dưỡng, chăm sóc người có công: 5 ngày; Sở Lao động – TB&XH: 5 ngày).* | Không | Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích tại:  - Trung tâm Điều dưỡng, chăm sóc người có công;  - Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh *(Số 01 Lê Lai, thành phố Huế).*  Hoặc nộp trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công tỉnh. | - Cơ quan quyết định: Sở Lao động - TB&XH;  - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Trung tâm Điều dưỡng, chăm sóc người có công; Sở Lao động – TB&XH. |
| **14** | Cấp bổ sung hoặc cấp lại giấy chứng nhận người có công do ngành Lao động – TB&XH quản lý và giấy chứng nhận thân nhân liệt sĩ (1.010814) | 17 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. *(Trong đó: UBND cấp xã: 05 ngày; Sở Lao động – TB&XH: 12 ngày).* | Không | Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích tại:  - Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã;  - Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh *(Số 01 Lê Lai, thành phố Huế)*.  Hoặc nộp trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công tỉnh. | - Cơ quan quyết định: Sở Lao động - TB&XH;  - Cơ quan trực tiếp thực hiện: UBND cấp xã; Sở Lao động – TB&XH. |
| **15** | Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động cách mạng (1.010788) | 37 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.  - Ủy ban nhân dân cấp xã: 05 ngày.  - Cơ quan có thẩm quyền: trong thời gian 20 ngày kể từ ngày nhận đủ giấy tờ, có trách nhiệm xem xét, ban hành quyết định công nhận theo Mẫu số 49 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP và chuyển hồ sơ đến Sở Lao động -Thương binh và Xã hội nơi người hưởng trợ cấp thường trú để giải quyết chế độ ưu đãi.  - Sở Lao động – TB&XH: 12 ngày. |  | Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích tại:  - Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã;  - Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh *(Số 01 Lê Lai, thành phố Huế)*.  Hoặc nộp trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công tỉnh. | - Cơ quan quyết định: Ban Thường vụ Tỉnh ủy, thành ủy; Sở Lao động - TB&XH;  - Cơ quan trực tiếp thực hiện: UBND cấp xã; Cơ quan có thẩm quyền quy định tại Điều 6 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP; Sở Lao động – TB&XH. |
| **16** | Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học (1.010816) | a) 96 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học. *(Trong đó, UBND cấp xã: 05 ngày; Phòng Lao động – TB&XH: 07 ngày; Sở Lao động – TB&XH: 24 ngày; Hội đồng Giám định Y khoa tỉnh: 60 ngày).*  b) 89 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp người hoạt động kháng chiến có con đẻ bị dị dạng, dị tật đã được hưởng chế độ ưu đãi đối với con đẻ mà bố (mẹ) chưa được công nhận là người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học *(Trong đó, UBND cấp xã: 05 ngày; Phòng Lao động – TB&XH: 07 ngày; Sở Lao động – TB&XH: 17 ngày; Hội đồng Giám định Y khoa tỉnh: 60 ngày).*  *c)*31 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học có vợ hoặc có chồng nhưng không có con đẻ *(Trong đó: UBND cấp xã: 12 ngày; Phòng Lao động – TB&XH: 07 ngày; Sở Lao động – TB&XH: 12 ngày).* | Không | Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích tại:  - Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã;  - Trung tâm Hành chính công cấp huyện;  - Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh *(Số 01 Lê Lai, thành phố Huế)*.  Hoặc nộp trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công tỉnh. | - Cơ quan quyết định: Sở Lao động - TB&XH;  - Cơ quan trực tiếp thực hiện: UBND cấp xã; Phòng Lao động - TB&XH; Hội đồng Giám định y khoa tỉnh (Sở Y tế); Sở Lao động – TB&XH. |
| **17** | Công nhận và giải quyết chế độ con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học (1.010817) | 96 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ *(Trong đó, UBND cấp xã: 05 ngày; Phòng Lao động – TB&XH: 07 ngày; Sở Lao động – TB&XH: 24 ngày; Hội đồng Giám định Y khoa tỉnh: 60 ngày)* | Không | Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích tại:  - Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã;  - Trung tâm Hành chính công cấp huyện;  - Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh *(Số 01 Lê Lai, thành phố Huế)*.  Hoặc nộp trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công tỉnh. | - Cơ quan quyết định: Sở Lao động - TB&XH;  - Cơ quan trực tiếp thực hiện thực hiện: UBND cấp xã; phòng Lao động – TB&XH; Hội đồng Giám định y khoa tỉnh (Sở Y tế); Sở Lao động – TB&XH. |
| **18** | Công nhận và giải quyết chế độ người hoạt động cách mạng, kháng chiến, bảo vệ tổ quốc, làm nghĩa vụ quốc tế bị địch bắt tù, đày (1.010818) | 24 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. *(Trong đó: UBND cấp xã: 05 ngày; Phòng Lao động – TB&XH; 07 ngày; Sở Lao động – TB&XH: 12 ngày).* | Không | Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích tại:  - Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã;  - Trung tâm Hành chính công cấp huyện;  - Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh *(Số 01 Lê Lai, thành phố Huế)*.  Hoặc nộp trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công tỉnh. | - Cơ quan quyết định: Sở Lao động - TB&XH;  - Cơ quan trực tiếp thực hiện: UBND cấp xã; phòng Lao động – TB&XH; Sở Lao động - TB&XH. |
| **19** | Giải quyết chế độ người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế (1.010819) | 24 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. *(Trong đó: UBND cấp xã: 05 ngày; Phòng Lao động – TB&XH; 07 ngày; Sở Lao động – TB&XH: 12 ngày).* | Không | Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích tại:  - Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã;  - Trung tâm Hành chính công cấp huyện;  - Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh *(Số 01 Lê Lai, thành phố Huế)*.  Hoặc nộp trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công tỉnh. | - Cơ quan quyết định: Sở Lao động - TB&XH;  - Cơ quan trực tiếp thực hiện thực hiện: UBND cấp xã; phòng Lao động – TB&XH; Sở Lao động – TB&XH. |
| **20** | Giải quyết chế độ người có công giúp đỡ cách mạng (1.010820) | 24 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. *(Trong đó: UBND cấp xã: 05 ngày; Phòng Lao động – TB&XH; 07 ngày; Sở Lao động – TB&XH: 12 ngày).* | Không | Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích tại:  - Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã;  - Trung tâm Hành chính công cấp huyện;  - Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh *(Số 01 Lê Lai, thành phố Huế)*.  Hoặc nộp trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công tỉnh. | - Cơ quan quyết định: Sở Lao động - TB&XH;  - Cơ quan trực tiếp thực hiện: UBND cấp xã; phòng Lao động – TB&XH; Sở Lao động – TB&XH. |
| **21** | Giải quyết chế độ hỗ trợ để theo học đến trình độ đại học tại các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (1.010821) | - 24 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp hồ sơ người có công do công an, quân đội quản lý. *(Trong đó: Bộ Quốc phòng, Bộ Công an: 12 ngày; Phòng Lao động – TB&XH; 05 ngày; Sở Lao động – TB&XH: 07 ngày)*  - 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp hồ sơ người có công không do công an, quân đội quản lý. *(Trong đó: UBND cấp xã: 03 ngày; Phòng Lao động – TB&XH; 05 ngày; Sở Lao động – TB&XH: 07 ngày)* | Không | Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích tại:  - Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã;  - Trung tâm Hành chính công cấp huyện;  - Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh *(Số 01 Lê Lai, thành phố Huế)*.  Hoặc nộp trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công tỉnh. | a) Trường hợp hồ sơ người có công đang do quân đội, công an quản lý:  - Cơ quan quyết định: Sở Lao động - TB&XH;  - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Cơ quan, đơn vị quản lý người có công thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an; Sở Lao động – TB&XH; Phòng Lao động – TB&XH.  b) Trường hợp hồ sơ người có công không do quân đội, công an quản lý:  - Cơ quan quyết định: Sở Lao động - TB&XH;  - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Lao động –TB&XH; Phòng Lao động – TB&XH; UBND cấp xã. |
| **22** | Giải quyết phụ cấp đặc biệt hằng tháng đối với thương binh có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 81% trở lên, bệnh binh có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 81% trở lên (1.010822) | 12 ngày kể từ ngày nhận đủ giấy tờ hợp lệ | Không | Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh *(Số 01 Lê Lai, thành phố Huế).*  Hoặc nộp trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công tỉnh. | Cơ quan trực tiếp thực hiện và quyết định: Sở Lao động - TB&XH. |
| **23** | Hưởng lại chế độ ưu đãi (1.010823) | 12 ngày kể từ ngày nhận đủ giấy tờ hợp lệ | Không | Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh *(Số 01 Lê Lai, thành phố Huế).*  Hoặc nộp trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công tỉnh. | Cơ quan trực tiếp thực hiện và quyết định: Sở Lao động - TB&XH. |
| **24** | Hưởng trợ cấp khi người có công đang hưởng trợ cấp ưu đãi từ trần (1.010824) | a) Đối với trợ cấp một lần và mai táng phí: 24 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.*(Trong đó: UBND cấp xã: 05 ngày; Phòng Lao động – TB&XH: 07 ngày; Sở Lao động – TB&XH: 12 ngày)*  b) Đối với trợ cấp tuất hằng tháng, trợ cấp tuất nuôi dưỡng hằng tháng: + 31 ngày đối với trường hợp đủ điều kiện *(Trong đó: UBND cấp xã: 12 ngày; Phòng Lao động – TB&XH: 07 ngày; Sở Lao động – TB&XH: 12 ngày);*  + 43 ngày đối với trường hợp con từ đủ 18 tuổi trở lên bị khuyết tật nặng, khuyết tật đặc biệt nặng *(Trong đó: UBND cấp xã: 12 ngày; Phòng Lao động – TB&XH: 07 ngày; Sở Lao động – TB&XH: 24 ngày)* | Không | Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích tại:  - Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã;  - Trung tâm Hành chính công cấp huyện;  - Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh *(Số 01 Lê Lai, thành phố Huế).*  Hoặc nộp trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công tỉnh. | a) Đối với trợ cấp một lần và mai táng phí:  - Cơ quan quyết định: Sở Lao động - TB&XH;  - Cơ quan trực tiếp thực hiện: UBND cấp xã; Phòng Lao động – TB&XH; Sở Lao động – TB&XH.  b) Đối với trợ cấp tuất hằng tháng, trợ cấp tuất nuôi dưỡng hằng tháng:  - Cơ quan quyết định: Sở Lao động - TB&XH;  - Cơ quan trực tiếp thực hiện thực hiện: UBND cấp xã; Phòng Lao động – TB&XH; Hội đồng Giám định y khoa tỉnh (Sở Y tế); Sở Lao động – TB&XH. |
| **25** | Bổ sung tình hình thân nhân trong hồ sơ liệt sĩ (1.010825) | 24 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. *(Trong đó: UBND cấp xã: 05 ngày; Phòng Lao động – TB&XH: 07 ngày; Sở Lao động – TB&XH: 12 ngày)* | Không | Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích tại:  - Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã;  - Trung tâm Hành chính công cấp huyện;  - Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh *(Số 01 Lê Lai, thành phố Huế).*  Hoặc nộp trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công tỉnh. | - Cơ quan quyết định: Sở Lao động - TB&XH;  - Cơ quan trực tiếp thực hiện thực hiện: UBND cấp xã; Phòng Lao động – TB&XH; Sở Lao động – TB&XH. |
| **26** | Sửa đổi, bổ sung thông tin cá nhân trong hồ sơ người có công (1.010826) | 24 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Không | Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh *(Số 01 Lê Lai, thành phố Huế).*  Hoặc nộp trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công tỉnh. | - Cơ quan quyết định: Sở Lao động - TB&XH;  - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Lao động – TB&XH; Cơ quan có thẩm quyền. |
| **27** | Di chuyển hồ sơ khi người hưởng trợ cấp ưu đãi thay đổi nơi thường trú (1.010827) | 24 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. *(Trong đó: Sở Lao động – TB&XH nơi quản lý hồ sơ gốc: 12 ngày; Sở Lao động – TB&XH nơi tiếp nhận hồ sơ: 12 ngày)* | Không | Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh *(Số 01 Lê Lai, thành phố Huế).*  Hoặc nộp trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công tỉnh. | Cơ quan thực hiện: Sở Lao động - TB&XH. |
| **28** | Cấp trích lục hoặc sao hồ sơ người có công với cách mạng (1.010828) | 12 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Không | Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh *(Số 01 Lê Lai, thành phố Huế).*  Hoặc nộp trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công tỉnh. | Cơ quan trực tiếp thực hiện và quyết định: Sở Lao động - TB&XH. |
| **29** | Di chuyển hài cốt liệt sĩ đang an táng tại nghĩa trang liệt sĩ đi nơi khác theo nguyện vọng của đại diện thân nhân hoặc người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ (1.010829) | - Trường hợp chưa được hỗ trợ: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. *(Trong đó: Sở Lao động – TB&XH nơi quản lý hồ sơ gốc: 04 ngày làm việc; Phòng Lao động – TB&XH nơi quản lý mộ: 02 ngày làm việc; Sở Lao động – TB&XH nơi quản lý mộ liệt sĩ: 01 ngày làm việc; UBND cấp xã nơi đón nhận hài cốt liệt sĩ: 01 ngày làm việc; Phòng Lao động – TB&XH nơi đón nhận hài cốt liệt sĩ: 01 ngày làm việc; Sở Lao động – TB&XH nơi đón nhận hài cốt liệt sĩ: 01 ngày làm việc).*  - Trường hợp đã được hỗ trợ: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. *(Trong đó: Phòng Lao động – TB&XH nơi thường trú của người đề nghị: 03 ngày làm việc; Sở Lao động – TB&XH nơi quản lý mộ liệt sĩ: 01 ngày làm việc; Phòng Lao động – TB&XH nơi quản lý mộ liệt sĩ: 02 ngày làm việc; UBND cấp xã nơi đón nhận hài cốt liệt sĩ: 01 ngày làm việc; Phòng Lao động – TB&XH nơi đón nhận hài cốt liệt sĩ: 01 ngày làm việc; Sở Lao động – TB&XH nơi đón nhận hài cốt liệt sĩ: 01 ngày làm việc; Sở Lao động – TB&XH nơi quản lý hồ sơ gốc: 01 ngày làm việc).* |  | Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích tại:  - Trung tâm Hành chính công cấp huyện;  - Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh *(Số 01 Lê Lai, thành phố Huế).*  Hoặc nộp trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công tỉnh. | - Cơ quan quyết định: Sở Lao động - TB&XH;  - Cơ quan trực tiếp thực hiện: UBND cấp xã; phòng Lao động - TB&XH; Sở Lao động – TB&XH. |
| **30** | Di chuyển hài cốt liệt sĩ đang an táng ngoài nghĩa trang liệt sĩ về an táng tại nghĩa trang liệt sĩ theo nguyện vọng của đại diện thân nhân hoặc người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ (1.010830) | 09 ngày làm việc từ ngày tiếp nhận đủ giấy tờ hợp lệ *(Trong đó: Sở Lao động - TB&XH nơi quản lý hồ sơ gốc: 04 ngày làm việc; Phòng Lao động – TB&XH nơi quản lý mộ liệt sĩ: 01 ngày làm việc; UBND cấp xã nơi đón nhận hài cốt liệt sĩ: 01 ngày làm việc; Phòng Lao động – TB&XH nơi đón nhận hài cốt liệt sĩ: 01 ngày làm việc; Sở Lao động – TB&XH nơi đón nhận hài cốt liệt sĩ: 02 ngày làm việc).* | Không | Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích tại:  - Trung tâm Hành chính công cấp huyện;  - Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh *(Số 01 Lê Lai, thành phố Huế).*  Hoặc nộp trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công tỉnh. | - Cơ quan quyết định: Sở Lao động - TB&XH;  - Cơ quan trực tiếp thực hiện: UBND cấp xã; phòng Lao động - TB&XH; Sở Lao động – TB&XH. |
| **31** | Cấp giấy xác nhận thông tin về nơi liệt sĩ hy sinh (1.010831) | 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ *(tại Cơ quan, đơn vị quản lý liệt sĩ trước khi hy sinh cấp tỉnh hoặc Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh)* | Không | Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích tại Cơ quan, đơn vị quản lý liệt sĩ trước khi hy sinh cấp tỉnh hoặc Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh  Hoặc nộp trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công tỉnh. | Cơ quan trực tiếp thực hiện và quyết định: Cơ quan, đơn vị quản lý liệt sĩ trước khi hy sinh cấp tỉnh; Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh. |
| **II** |  | | | | |
| **32** | Thăm viếng mộ liệt sĩ (1.010832) | 06 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận đủ giấy tờ hợp lệ *(Trong đó: Phòng Lao động – TB&XH nơi quản lý hồ sơ gốc liệt sĩ: 05 làm việc; UBND cấp xã nơi quản lý mộ liệt sĩ: 01 làm việc).* |  | Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích tại Trung tâm Hành chính công cấp huyện.  Hoặc nộp trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công tỉnh. | - Cơ quan quyết định: Phòng Lao động – TB&XH;  - Cơ quan trực tiếp thực hiện: UBND cấp xã; Phòng Lao động – TB&XH. . |
| **III** |  | | | | |
| **33** | Điểm neoCấp giấy xác nhận thân nhân của người có công (1.010833) | 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định *(tại UBND cấp xã nơi thường trú)* |  | Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã.  Hoặc nộp trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công tỉnh. | Cơ quan trực tiếp thực hiện và quyết định: UBND cấp xã. |

**II. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên thủ tục hành chính (Mã số TTHC)** | **Tên VBQPPL quy định TTHC** | **Ghi chú** |
| **I** | **THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH** | | |
| **1** | Thủ tục giải quyết chế độ đối với thương binh đồng thời là người hưởng chế độ mất sức lao động**(2.000978)** | Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chỉnh phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng | Bãi bỏ TTHC số 60, mục VII. Lĩnh vực người có công, phần I. Danh mục TTHC của phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 2995/QĐ-UBND ngày 24 tháng 12 năm 2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Thừa Thiên Huế |
| **2** | Thủ tục hưởng mai táng phí, trợ cấp một lần khi người có công với cách mạng từ trần **(1.002252)** | Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chỉnh phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng | Bãi bỏ TTHC số 65, mục VII. Lĩnh vực người có công, phần I. Danh mục TTHC của phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 2995/QĐ-UBND ngày 24 tháng 12 năm 2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Thừa Thiên Huế |
| **3** | Thủ tục giải quyết trợ cấp tiền tuất hàng tháng cho thân nhân khi người có công với cách mạng từ trần **(1.002271)** | Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chỉnh phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng | Bãi bỏ TTHC số 64, mục VII. Lĩnh vực người có công, phần I. Danh mục TTHC của phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 2995/QĐ-UBND ngày 24 tháng 12 năm 2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Thừa Thiên Huế |
| **4** | Thủ tục hưởng lại chế độ ưu đãi đối với người có công hoặc thân nhân trong các trường hợp:  - Bị tạm đình chỉ chế độ do bị kết án tù đã chấp hành xong hình phạt tù;  - Bị tạm đình chỉ do xuất cảnh trái phép nay trở về nước cư trú;  - Đã đi khỏi địa phương nhưng không làm thủ tục di chuyển hồ sơ nay quay lại đề nghị tiếp tục hưởng chế độ;  - Bị tạm đình chỉ chế độ chờ xác minh của cơ quan điều tra**(1.004967)** | Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chỉnh phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng | Bãi bỏ TTHC số 75, mục VII. Lĩnh vực người có công, phần I. Danh mục TTHC của phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 2995/QĐ-UBND ngày 24 tháng 12 năm 2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Thừa Thiên Huế |
| **5** | Thủ tục giải quyết chế độ đối với thân nhân liệt sĩ **(1.002305)** | Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chỉnh phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng | Bãi bỏ TTHC số 56, mục VII. Lĩnh vực người có công, phần I. Danh mục TTHC của phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 2995/QĐ-UBND ngày 24 tháng 12 năm 2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Thừa Thiên Huế |
| **6** | Thủ tục giải quyết chế độ trợ cấp đối với vợ hoặc chồng liệt sĩ đi lấy chồng hoặc vợ khác **(1.002354)** | Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chỉnh phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng | Bãi bỏ TTHC số 57, mục VII. Lĩnh vực người có công, phần I. Danh mục TTHC của phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 2995/QĐ-UBND ngày 24 tháng 12 năm 2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Thừa Thiên Huế |
| **7** | Thủ tục giải quyết chế độ đối với Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến **(1.002363)** | Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chỉnh phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng | Bãi bỏ TTHC số 66, mục VII. Lĩnh vực người có công, phần I. Danh mục TTHC của phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 2995/QĐ-UBND ngày 24 tháng 12 năm 2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Thừa Thiên Huế |
| **8** | Thủ tục giải quyết chế độ đối với thương binh, người hưởng chính sách như thương binh **(1.002377)** | Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chỉnh phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng | Bãi bỏ TTHC số 61, mục VII. Lĩnh vực người có công, phần I. Danh mục TTHC của phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 2995/QĐ-UBND ngày 24 tháng 12 năm 2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Thừa Thiên Huế |
| **9** | Thủ tục giám định vết thương còn sót **(1.002382)** | Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chỉnh phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng | Bãi bỏ TTHC số 79, mục VII. Lĩnh vực người có công, phần I. Danh mục TTHC của phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 2995/QĐ-UBND ngày 24 tháng 12 năm 2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Thừa Thiên Huế |
| **10** | Thủ tục giải quyết chế độ đối với thương binh đồng thời là bệnh binh **(1.002393)** | Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chỉnh phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng | Bãi bỏ TTHC số 59, mục VII. Lĩnh vực người có công, phần I. Danh mục TTHC của phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 2995/QĐ-UBND ngày 24 tháng 12 năm 2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Thừa Thiên Huế |
| **11** | Thủ tục giải quyết hưởng chế độ ưu đãi người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học **(1.002410)** | Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chỉnh phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng | Bãi bỏ TTHC số 72, mục VII. Lĩnh vực người có công, phần I. Danh mục TTHC của phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 2995/QĐ-UBND ngày 24 tháng 12 năm 2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Thừa Thiên Huế |
| **12** | Thủ tục giải quyết hưởng chế độ ưu đãi đối với con đẻ người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học **(1.003351)** | Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chỉnh phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng | Bãi bỏ TTHC số 73, mục VII. Lĩnh vực người có công, phần I. Danh mục TTHC của phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 2995/QĐ-UBND ngày 24 tháng 12 năm 2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Thừa Thiên Huế |
| **13** | Thủ tục giải quyết chế độ người hoạt động cách mạng hoặc hoạt động kháng chiến bị địch bắt tù, đày **(1.002429)** | Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chỉnh phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng | Bãi bỏ TTHC số 67, mục VII. Lĩnh vực người có công, phần I. Danh mục TTHC của phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 2995/QĐ-UBND ngày 24 tháng 12 năm 2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Thừa Thiên Huế |
| **14** | Thủ tục giải quyết chế độ người HĐKC giải phóng dân tộc, bảo vệ tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế **(1.002440)** | Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chỉnh phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng | Bãi bỏ TTHC số 68, mục VII. Lĩnh vực người có công, phần I. Danh mục TTHC của phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 2995/QĐ-UBND ngày 24 tháng 12 năm 2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Thừa Thiên Huế |
| **15** | Thủ tục giải quyết chế độ người có công giúp đỡ cách mạng **(1.003423)** | Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chỉnh phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng | Bãi bỏ TTHC số 63, mục VII. Lĩnh vực người có công, phần I. Danh mục TTHC của phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 2995/QĐ-UBND ngày 24 tháng 12 năm 2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Thừa Thiên Huế |
| **16** | Thủ tục sửa đổi thông tin cá nhân trong hồ sơ người có công **(1.002449)** | Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chỉnh phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng | Bãi bỏ TTHC số 77, mục VII. Lĩnh vực người có công, phần I. Danh mục TTHC của phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 2995/QĐ-UBND ngày 24 tháng 12 năm 2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Thừa Thiên Huế |
| **17** | Thủ tục di chuyển hồ sơ người có công với cách mạng **(1.002487)** | Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chỉnh phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng | Bãi bỏ TTHC số 80, mục VII. Lĩnh vực người có công, phần I. Danh mục TTHC của phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 2995/QĐ-UBND ngày 24 tháng 12 năm 2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Thừa Thiên Huế |
| **18** | Thủ tục giải quyết chế độ trợ cấp thờ cúng liệt sĩ **(1.006779)** | Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chỉnh phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng | Bãi bỏ TTHC số 55, mục VII. Lĩnh vực người có công, phần I. Danh mục TTHC của phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 2995/QĐ-UBND ngày 24 tháng 12 năm 2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Thừa Thiên Huế |
| **19** | Thủ tục giải quyết chế độ ưu đãi đối với Bà mẹ Việt Nam anh hùng **(1.002519)** | Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chỉnh phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng | Bãi bỏ TTHC số 58, mục VII. Lĩnh vực người có công, phần I. Danh mục TTHC của phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 2995/QĐ-UBND ngày 24 tháng 12 năm 2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Thừa Thiên Huế |
| **20** | Thủ tục giám định lại thương tật do vết thương cũ tái phát và điều chỉnh chế độ **(1.002720)** | Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chỉnh phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng | Bãi bỏ TTHC số 78, mục VII. Lĩnh vực người có công, phần I. Danh mục TTHC của phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 2995/QĐ-UBND ngày 24 tháng 12 năm 2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Thừa Thiên Huế |
| **21** | Thủ tục xác nhận thương binh, người hưởng chính sách như thương binh đối với người bị thương không thuộc lực lượng công an, quân đội trong chiến tranh từ ngày 31/12/1991 trở về trước không còn giấy tờ **(1.002741)** | Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chỉnh phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng | Bãi bỏ TTHC số 62, mục VII. Lĩnh vực người có công, phần I. Danh mục TTHC của phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 2995/QĐ-UBND ngày 24 tháng 12 năm 2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Thừa Thiên Huế |
| **22** | Thủ tục bổ sung tình hình thân nhân trong hồ sơ liệt sĩ **(1.002745)** | Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chỉnh phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng | Bãi bỏ TTHC số 76, mục VII. Lĩnh vực người có công, phần I. Danh mục TTHC của phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 2995/QĐ-UBND ngày 24 tháng 12 năm 2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Thừa Thiên Huế |
| **23** | Thủ tục đính chính thông tin trên bia mộ liệt sĩ **(1.003025)** | Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chỉnh phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng | Bãi bỏ TTHC số 82, mục VII. Lĩnh vực người có công, phần I. Danh mục TTHC của phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 2995/QĐ-UBND ngày 24 tháng 12 năm 2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Thừa Thiên Huế |
| **24** | Thủ tục lập Sổ theo dõi và cấp phương tiện trợ giúp, dụng cụ chỉnh hình **(1.003042)** | Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chỉnh phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng | Bãi bỏ TTHC số 83, mục VII. Lĩnh vực người có công, phần I. Danh mục TTHC của phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 2995/QĐ-UBND ngày 24 tháng 12 năm 2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Thừa Thiên Huế |
| **25** | Thủ tục thực hiện chế độ ưu đãi trong giáo dục đào tạo đối với người có công với cách mạng và con của họ **(1.003057)** | Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chỉnh phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng | Bãi bỏ TTHC số 74, mục VII. Lĩnh vực người có công, phần I. Danh mục TTHC của phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 2995/QĐ-UBND ngày 24 tháng 12 năm 2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Thừa Thiên Huế |
| **26** | Thủ tục hỗ trợ, di chuyển hài cốt liệt sĩ **(1.003159)** | Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chỉnh phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng | Bãi bỏ TTHC số 81, mục VII. Lĩnh vực người có công, phần I. Danh mục TTHC của phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 2995/QĐ-UBND ngày 24 tháng 12 năm 2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Thừa Thiên Huế |
| **27** | Thực hiện chế độ trợ cấp một lần đối với thân nhân người hoạt động kháng chiến được tặng huân chương, huy chương chết trước ngày 01/01/1995 mà chưa được hưởng chế độ ưu đãi (**1.005387)** | Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chỉnh phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng | Bãi bỏ TTHC số 6, mục III. Lĩnh vực người có công, phần I. Danh mục TTHC của phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 891/QĐ-UBND ngày 08 tháng 4 năm 2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Thừa Thiên Huế |
| **II** | **THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN** | | |
| **28** | Thủ tục cấp giấy giới thiệu đi thăm viếng mộ liệt sĩ và hỗ trợ thăm viếng mộ liệt sĩ **(2.001375)** | Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chỉnh phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng | Bãi bỏ TTHC số 5, mục III. Lĩnh vực người có công, phần I. Danh mục TTHC của phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 2375/QĐ-UBND ngày 25 tháng 9 năm 2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Thừa Thiên Huế |
| **29** | Thủ tục hỗ trợ người có công đi làm phương tiện, dụng cụ trợ giúp chỉnh hình; đi điều trị phục hồi chức năng **(2.001378)** | Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chỉnh phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng | Bãi bỏ TTHC số 6, mục III. Lĩnh vực người có công, phần I. Danh mục TTHC của phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 2375/QĐ-UBND ngày 25 tháng 9 năm 2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Thừa Thiên Huế |
| **III** | **THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ** | | |
| **30** | Thủ tục xác nhận vào đơn đề nghị di chuyển hài cốt liệt sĩ; đơn đề nghị thăm viếng mộ liệt sĩ **(2.001382)** | Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chỉnh phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng | Bãi bỏ TTHC số 1, mục I. Lĩnh vực người có công, phần I. Danh mục TTHC tại Quyết định số 2227/QĐ-UBND ngày 09 tháng 10 năm 2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Thừa Thiên Huế |
| **31** | Thủ tục ủy quyền hưởng trợ cấp, phụ cấp ưu đãi **(1.003337)** | Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chỉnh phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh Ưu đãi người có côn |  |